HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 165/BC-BKTNS ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức (đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận) đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức

Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp thành phố; nhân viên của các bệnh viện công lập hưởng lương từ nguồn thu của UBND thành phố bao gồm nhân viên của các bệnh viện công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thuộc Sở Y tế thành phố; Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2.

b) Cán bộ, công chức, viên chức (đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận) đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố theo quy định hiện hành.

c) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự, Liên đoàn Lao động, Thống kê, Bảo hiểm xã hội; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn thành phố; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04, Cục dò tìm Xử lý Bom mìn 3, Trạm Rada 17, Cục Quân khí Kho K882, Phân Kho 840C, Đoàn kinh tế quốc phòng 778-Quân khu 7, Cụm điệp báo 5 - Quân khu 7; Trung tâm Huấn luyện, Bồi dưỡng nghiệp vụ và Giáo dục nghề nghiệp số 2; Trại giam Tống Lê Chân.

d) Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn thành phố có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện Quân y 7B, Trường Cao đẳng Thống kê II, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập; Đài Khí tượng Thủy văn thành phố Đồng Nai.”

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 như sau:

“d) Các đối tượng thường trú trên địa bàn thành phố Đồng Nai đã có hồ sơ do ngành Nội vụ quản lý hoặc có quyết định hưởng trợ cấp một lần, nhưng chưa hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo danh sách của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Đồng Nai hoặc Công an thành phố Đồng Nai cung cấp theo các Quyết định: Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc

tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Nghị định số 112/2017/NĐ-CP về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975; Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg về việc trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

"b) Phạm nhân đang chấp hành án trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4; Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc, Trại giam Tống Lê Chân thuộc Bộ Công an."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Mức 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho khoảng 20.000 đoàn viên, người lao động của Liên đoàn Lao động có hoàn cảnh khó khăn thông qua Liên đoàn Lao động thành phố, bao gồm:

a) Đoàn viên, người lao động bị tai nạn lao động, mắc bệnh nghề nghiệp; bản thân hoặc vợ/chồng/con mắc bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo, gặp rủi ro hoạn nạn; người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ;

b) Đoàn viên, người lao động đơn thân nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi; phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

c) Đoàn viên, người lao động tại doanh nghiệp bị giảm đơn hàng hoặc doanh nghiệp gặp khó khăn phải thu hẹp sản xuất, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, di dời đi nơi khác, người sử dụng lao động bỏ trốn, dẫn đến người lao động bị nghỉ việc không lương, tạm hoãn hợp đồng lao động, ngừng việc, bị nợ lương, nợ thưởng, chấm dứt hợp đồng lao động; hoặc có thu nhập thấp (tiền lương tháng thấp hơn mức lương tối thiểu);

d) Đoàn viên, người lao động thuộc gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; gia đình có thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng; gia đình bị ảnh hưởng bởi di chứng chất độc màu da cam;

đ) Đoàn viên, người lao động bị mất việc làm do doanh nghiệp khó khăn phải thu hẹp sản xuất, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, chủ doanh nghiệp bỏ trốn tại thời điểm chăm lo Tết Nguyên đán;

e) Đoàn viên, người lao động ở trọ, xa quê nhiều năm liền chưa có điều kiện về quê sum họp với gia đình trong dịp Tết Nguyên đán.".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 11 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành của thành phố;
- VKSND, TAND, THADS thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Tôn Ngọc Hạnh